**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: Phân tích lợi ích - chi phí**

**Mã số: BCA 331**

**Số tín chỉ: 3**

**Khoa: Kinh tế**

**Bộ môn phụ trách: Kinh tế ngành**

**Thái Nguyên, 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA**: **KINH TẾ****Bộ môn phụ trách**: **Kinh tế ngành** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Phân tích lợi ích - chi phí -Mã học phần**: **BCA 331**

**2. Tên Tiếng Anh: Benefit – Cost Analysis**

**3. Số tín chỉ:** **03** **tín chỉ (2/1/6)** (02 tín chỉ lý thuyết/ 01 tín chỉ thảo luận/6 tín chỉ tự học)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

 Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Kinh tế môi trường; Lập và phân tích dự án đầu tư

 Khác: Không

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Dương Thị Tình | 0978875866 | tinhvinh@gmail.com | CNHP |
| 2 | TS. Nguyễn Thị Thúy Vân | 0912766598 | leminh@tueba.edu.vn |  |
| 3 | ThS. Đặng Kim Oanh | 0986799818 | dkimoanh@tueba.edu.vn |  |
| 4 | TS. Nguyễn Thị Thu Thương | 0967681643 | nttthuong@tueba.edu.vn |  |
| 5 | ThS Phạm Lê Vân | 0945274156 | vanpham@tueba.edu.vn |  |

**6. Mô tả học phần**

Môn học Phân tích lợi ích chi phí trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích chi phí, các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí, quy trình phân tích như thế nào; Cơ sở nào để nhận dạng, phân tích lợi ích và chi phí; Cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, xuất hiện hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau, … Tất cả các nội dung đó giúp người học có được những kiến thức và biết vận dụng linh hoạt các phương pháp phân tích các phương án, các dự án phát triển kinh tế xã hội trước khi ra quyết định đối với các dự án đầu tư.

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả***Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | Học phần trang bị cho người học các vấn đề về phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư: nhận dạng lợi ích, chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp người học có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư. | (1.4. CTĐT KTĐT)(1.2. CTĐT KTYT) | 4 |
| **G2** | Người học có cái nhìn từ tổng quát đến chi tiết một cách đầy đủ về lợi ích, chi phí của các dự án đầu tư; Sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp với từng dự án; Có khả năng dự đoán những lợi ích hay lường trước rủi ro có thể xảy ra khi dự án thực hiện; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết các vấn đề tình huống trong quá trình phân tích. | (2.2; 2.5 CTĐT KTĐT)(2.4 CTĐT KTYT) | 4 |
| **G3** | Nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của người chịu trách nhiệm trong việc phân tích lợi ích chi phí của dự án đầu tư, đặc biệt là về khía cạnh môi trường, tác động của dự án đến môi trường xung quanh dự án; Tinh thần không ngừng học hỏi trong cả lý thuyết và thực tiễn.Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học nhìn nhận được đúng sai, phù hợp hay không phù hợp và hậu quả của các lựa chọn, quyết định mà bản thân làm;  | (3.1; 3.2 CTĐT KTĐT)(3.1 CTĐT KTYT) | 5 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả***Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | **G1.1** | - Nắm chắc lý thuyết về phân tích lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | (1.4. CTĐT KTĐT)(1.2. CTĐT KTYT) | 2 |
| **G1.2** | - Có kiến thức tổng quan về phân tích lợi ích chi phí | (1.4. CTĐT KTĐT) | 3 |
| **G1.3** | - Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực phân tích lợi ích chi phí. | (1.4. CTĐT KTĐT)  | 3 |
| **G1.4** | -Đánh giá được các cơ sở kinh tế phúc lợi và cơ sở kinh tế vi mô trong phân tích lợi ích chi phí;Đánh giá hiệu quả trong phân tích lợi ích chi phí | (1.4. CTĐT KTĐT)(1.2. CTĐT KTYT) | 4 |
| **G2** | **G2.1** | -Có khả năng giao tiếp xã hội, thuyết trình và truyền tải thông tin một cách hiệu quả nhằm nhận dạng, đo lường các lợi ích chi phí khi có giá thị trường và khi không có giá thị trường. | (2.2; 2.5 CTĐT KTĐT)(2.4 CTĐT KTYT) | 4 |
| **G2.2** | - Có kỹ năng phân tích và xử lý tốt những thông tin về thị trường liên quan đến các sản phẩm kinh doanh thương mại để nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại | (2.2; 2.5 CTĐT KTĐT)(2.4 CTĐT KTYT) | 4 |
| **G3** | **G3.1** | - Có khả năng làm việc độc lập, chịu đựng được áp lực công việc, hình thành và lãnh đạo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. | (3.1; 3.2 CTĐT KTĐT)(3.1 CTĐT KTYT) | 4 |
| **G3.2** | - Thực hiện tốt mọi nguyên tắc làm việc, chịu trách nhiệm cá nhân, đảm bảo về hiệu quả công việc về đo lường, yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí. Chịu trách nhiệm về việc đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy trong phân tích lợi ích chi phí | (3.1; 3.2 CTĐT KTĐT)(3.1 CTĐT KTYT) | 5 |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):*

**10. Tài liệu học tập**

***Giáo trình***

1. < Phạm Thị Bích Thủy >, <Giáo trình Phân tích chi phí lợi ích *>*, < NXB Trường ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội>, <2011>.

***Tài liệu tham khảo:***

1. < Phùng Thanh Bình, Trương Đăng Thụy>, <Bài tập phân tích lợi ích chi phi *>*, < NXB Trường ĐH Kinh tế TP.HCM, TP HCM >, <2004>.

 2. <Vũ Thị Ngọc Phùng>, <Giáo trình “Kinh tế phát triển*>*, < NXB LĐXH, Hà Nội >, <2005>.

 3. < Trần Võ Hùng Sơn >, < Nhập môn Phân tích lợi ích – Chi phí *>*, < NXB ĐH Quốc gia TP.HCM, TP HCM >, <2003>.

 4. < Đỗ Anh Tài>, < Giáo trình “Phân tích số liệu thống kê*>*, < NXB KH và KT, Hà Nội >, <2009>.

**11. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Trình độ năng lực** *(TĐNL đạt được khi kết thúc chương)* | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá***(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1, 2 | Giới thiệu đề cương môn học, các hình thức tổ chức tổ chức dạy học; kế hoạch kiểm tra thường xuyên**Chương 1: Giới thiệu chung về môn học**1.1.Những vấn đề cơ bản của môn học 1.2.Mục tiêu nghiên cứu môn học1.3.Đối tượng nghiên cứu môn học1.4.Phương pháp nghiên cứu môn học | G1.1 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 3,4 | **Chương 2: Tổng quan về phân tích lợi ích chi phí**2.1. Khái niệm phân tích lợi ích chi phí2.2. Vai trò của phân tích lợi ích chi phí2.3. Phương pháp luận của phân tích lợi ích chi phí2.4. Các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí2.5. Quy trình của một phân tích lợi ích chi phí | G1.1G1.2 | 23 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 5,6 ,7 | Thảo luận 1Thảo luận các nội dung lý thuyết về phân tích lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | G1.1G1.2G2.1G2.2G3.1 | 23444 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 8,9, 10 | **Chương 3: Cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí**3.1. Mục tiêu của xã hội3.2. Cơ sở đạo đức của phân tích lợi ích chi phí3.3. Tối ưu Pareto3.4. Cải thiện Pareto thực tế hay Pareto tiềm năng | G1.1G1.2 | 23 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 11,12 | Thảo luận 2Thảo luận các nội dung lý thuyết về cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | G1.1G1.2G2.1G2.2G3.1 | 23444 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 13,14,15 | **Chương 4: Cơ sở kinh tế vi mô trong phân tích lợi ích chi phí**4.1. Phân tích lợi ích chi phí dựa trên mô hình cạnh tranh4.2. Lợi ích xã hội ròng4.3. Hệ số co giãn trong phân tích lợi ích chi phí | G1.1G1.2G1.3 | 233 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 16,17,18 | Thảo luận Thảo luận các nội dung lý thuyết về cơ sở kinh tế vi mô của phân tích lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | G1.1G1.2G1.3G2.1G2.2G3.1 | 233444 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 19,20,21 | **Chương 5: Nhận dạng lợi ích chi phí**5.1. Nguyên tắc chung để nhận dạng lợi ích và chi phí5.2. Những hướng dẫn nhận dạng lợi ích chi phí 5.3. Cách phân loại lợi ích và chi phí5.4. Lượng hóa các lợi ích và chi phí cả vòng đời dự án | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 22,23,24 | Thảo luận Thảo luận các nội dung lý thuyết về nhận dạng chi phí lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 25,26 | **Chương 6: Đo lường lợi ích chi phí khi có giá thị trường**6.1. Đánh giá lợi ích và chi phí của dự án6.2. Đánh giá lợi ích và chi phí trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo và trong thị trường bị biến dạng | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 27,28,29 | Thảo luận Thảo luận các nội dung lý thuyết về đo lường lợi ích chi phí và vận dụng vào thực tế | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 30 | Thi giữa kỳ | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 |  | Tự luận |
| 31,32,33,34 | 6.3. Đánh giá lợi ích và chi phí của hàng hóa ngoại thươngCác bài tập tình huống | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 35,36,37,38,39 | **Chương 7: Đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường**7.1. Định nghĩa hàng hóa công7.2. Đánh giá hàng hóa công trong phân tích lợi ích chi phí7.3. Các phương pháp đánh giá lợi ích chi phí đối với hàng hóa công7.4. Mức cung cấp tối ưu hàng hóa công | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 40,41 | Thảo luậnKhái niệm và các tình huống về đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 42,43,44,45,46,47,48,49 | **Chương 8: Yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí**8.1. Yếu tố thời gian của lợi ích chi phí8.1.1. Hiện giá ròng của các phương án8.1.2. Xử lý lạm phát8.1.3. Các quy tắc quyết định cơ bản8.2. Tỷ suất chiết khấu của lợi ích chi phí8.2.1. Tầm quan trọng của tỷ suất chiết khấu8.2.2. Phương pháp ước tính tỷ suất chiết khấu | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 50,51 | Thảo luậnKhái niệm về yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí và vận dụng trong thực tế | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 52,53,54 | **Chương 9: Đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy**9.1. Đánh giá hiệu quả trong phân tích lợi ích chi phí9.1.1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả9.1.2. Cơ sở để lựa chọn tiêu chí9.2. Phân tích độ nhạy9.2.1. Mục đích của phân tích độ nhạy9.2.2. Quy trình phân tích độ nhạy | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
|  | **Thi kết thúc học phần** | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 |  | Viết tự luận |

**12. Đánh giá kết quả học tập**

***12.1. Thang điểm: 10***

***12.2. Đánh giá quá trình:*** 50%, trong đó:

Kiểm tra thường xuyên: 30% (3 bài kiểm ra định kỳ 10%, Thảo luận nhóm 10%, chuyên cần: 10%)

Kiểm tra giữa kỳ: 20%

 ***12.3. Thi kết thúc học phần: 50%***

***12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR đánh giá** | **Trình****độ****năng****lực** | **Phương****pháp****đánh****giá** | **Tỷ lệ %** |
| Đánh giá chuyên cần | Đi học đầy đủ, đúng giờ, hăng hái phát biểu xây dựng bài | Từ tiết 1-54 | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 |  | 15 |
| Thảo luận nhóm | Làm việc nhóm | Tiết5,6,7; 11,12; 16,17,18; 22,23,24; 27,28,29; 40,41; 50,51 | G1.1G1.2G1.3G1.4G2.1G2.2G3.1G3.2 | 23344445 | Thuyết trình nhóm | 15 |
| Bài kiểm tra GK | Kiểm tra giữa học phần | Tiết 30 | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Tự luận | 20 |
| Thi KTHP | Thi cuối kỳ | Cuối học kỳ | G1.1G1.2G1.3G1.4 | 2334 | Tự luận | 50 |

***12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR HP** | **Hình thức kiểm tra** |
| **Đánh giá chuyên cần** | **Thảo luận nhóm** | **KT giữa kỳ** | **Thi kết thúc HP** |
| G1.1 | x | x | x | x |
| G1.2 | x | x | x | x |
| G1.3 | x | x | x | x |
| G1.4 | x | x | x | x |
| G2.1 | x | x |  |  |
| G2.2 | x | x |  |  |
| G3.1 | x | x |  |  |
| G3.2 | x | x |  |  |

**13. Các yêu cầu đối với người học:**

- Dự lớp đủ thời gian theo quy định, đi học đúng giờ;

- Thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ các yêu cầu do giảng viên giao;

- Đóng góp ý kiến trong các buổi học, thảo luận nhóm.

**14. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**15. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Bùi Nữ Hoàng Anh** | **TS. Nguyễn Thị Thúy Vân** | **TS. Dương Thị Tình** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |